

Số: 27/ QĐ - CNPC

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp  
Gói cung cấp: Sửa chữa xe ô tô BKS: 20L - 9393**

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Công văn 2125/KH-CNPC ngày 31/12/2025 Kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026.

Công văn số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 V/v Tạm giao/thông các chỉ tiêu chủ yếu KHSXKD năm 2026;

Căn cứ vào Đề nghị số 154/ĐN-TCHC ngày 09/3/2026 của Phòng Tổ chức - Hành chính;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán gói cung cấp: Sửa chữa xe ô tô BKS: 20L - 9393 với các nội dung sau:

1. Nội dung công việc: Sửa chữa xe ô tô BKS: 20L - 9393.

(Chi tiết như Phụ lục 1 kèm theo).

2. Giá trị dự toán (đã bao gồm thuế): 59.535.000 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi chín triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng./.)

**Điều 2.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp: Sửa chữa xe ô tô BKS: 20L - 9393.

(Chi tiết như Phụ lục 2 kèm theo).

**Điều 3.** Các ông (bà) Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ có liên quan của Công ty theo chức năng nhiệm vụ căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- 02 PGĐ (e-copy);
- Phòng KT-AT, TCKT, KH-ĐT-VT. ;
- Lưu: VT, THL(4)

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Việt Cường**

## Phụ lục 1: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN

Gói cung cấp: Sửa chữa xe ô tô BKS: 20L - 9393

(Kèm theo Quyết định số: 271 /QĐ-CNPC, ngày 10 tháng 4 năm 2026)

### I. Căn cứ lập dự toán:

- Đề nghị số 154/ĐN-TCHC ngày 09/3/2026 của Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Báo giá của nhà cung cấp: Hộ kinh doanh Nguyễn Kiều Chinh

### II. Giá trị dự toán:

STT	Tên vật tư/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Phần động cơ</b>						<b>40.015.000</b>
1	Xéc măng STD	23040-2G200	Hàn Quốc	Bộ	1	2.550.000	2.550.000
2	Pis tông STD	234102G201	Hàn Quốc	Cái	4	1.150.000	4.600.000
3	Ép ắc pistong			Cái	4	80.000	320.000
4	Ống xi lanh STD	STD	Hàn Quốc	Cái	4	720.000	2.880.000
5	Bạc biên balye cos 1	23060-2G100	Hàn Quốc	Bộ	1	1.950.000	1.950.000
6	Mài trục cơ cos 1 + cạo rà bạc			Cái	1	700.000	700.000
7	Rà xuppap mặt máy			Lần	1	450.000	450.000
8	Xích cam	24321-25000	Hàn Quốc	Cái	1	1.350.000	1.350.000
9	Xích bơm dầu	243222G350	Hàn Quốc	Cái	1	950.000	950.000
10	Tỳ cong	24420-25002	Hàn Quốc	Cái	1	480.000	480.000
11	Tỳ thẳng	24431-25001	Hàn Quốc	Cái	1	550.000	550.000
12	Doăng máy, phớt máy đại tu	209102GJ01	Hàn Quốc	Bộ	1	3.550.000	3.550.000
13	Dầu máy 10W40	10W40 Castrol	Indonesia	Lít	4,5	150.000	675.000
14	Lọc dầu máy	26300-35504	Hàn Quốc	Cái	1	250.000	250.000
15	Nước làm mát	eco-40 <sup>oC</sup> Denso	Nhật Bản	Lít	8	100.000	800.000
16	Tỳ bơm dầu	2446125051	Hàn Quốc	Cái	2	350.000	700.000
17	Búa tăng cam	24410-25001	Hàn Quốc	Cái	1	1.450.000	1.450.000
18	Dầu trợ lực	Texamatic 1888	Thái Lan	Hộp	1	200.000	200.000
19	Bảo dưỡng tubo kim phun			Lần	1	350.000	350.000
20	Van một chiều	267402G000	Hàn Quốc	Cái	1	320.000	320.000
21	Van hằng nhiệt	2550027000	Hàn Quốc	Cái	1	500.000	500.000

STT	Tên vật tư/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
22	Bom nước	25100 2F000	Hàn Quốc	Cái	1	2.150.000	2.150.000
23	Ống nước chính	256802F000	Hàn Quốc	Cái	2	480.000	960.000
24	Ống nước gián sườn	973112B010/ 973122P000	Hàn Quốc	Cái	2	450.000	900.000
25	Ống nước sắt	254602F001	Hàn Quốc	Cái	1	850.000	850.000
26	Bi tỷ	252882F000	Hàn Quốc	Cái	2	1.500.000	3.000.000
27	Ống nước kết sinh hàn	25412-2B700	Hàn Quốc	Cái	1	580.000	580.000
28	Gioăng kết sinh hàn	264132G000	Hàn Quốc	Bộ	1	550.000	550.000
29	Keo máy	Theborn	Thái Lan	Tuýp	1	100.000	100.000
30	Dầu Diezen rửa máy gầm	Petrolimex	Việt Nam	Lần	1	350.000	350.000
31	Tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa, thay mới phần động cơ			Gói	1	5.000.000	5.000.000
<b>II</b>	<b>Phần gầm</b>						<b>13.670.000</b>
1	Cây láp bên phụ	495002P000	Hàn Quốc	Cái	1	4.950.000	4.950.000
2	Cao su chụp bụi thước lái	5774028000	Hàn Quốc	Cái	2	320.000	640.000
3	Tấm bông trước	546261M000	Hàn Quốc	Cái	2	460.000	920.000
4	Bảo dưỡng hệ thống phanh			Bánh	4	150.000	600.000
5	Cupben phanh sau	01473TA0A00	Hàn Quốc	Bộ	2	250.000	500.000
6	Chụp bụi piton phanh sau	581142B000	Hàn Quốc	Cái	2	120.000	240.000
7	Cao su chụp bụi ốc phanh sau	58164-2E010	Hàn Quốc	Cái	4	100.000	400.000
8	Piton phanh sau	581123E000	Hàn Quốc	Cái	2	580.000	1.160.000
9	Dầu phanh	Dot3	Nhật Bản	Hộp	1	200.000	200.000
10	Bát bèo trước	546102B500	Hàn Quốc	Cái	2	680.000	1.360.000
11	Bi bát bèo trước	546102P000	Hàn Quốc	Cái	2	550.000	1.100.000
12	Mỡ láp	Cantex	Thái Lan	Hộp	1	100.000	100.000
13	Tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng thay thế hệ thống gầm			Gói	1	1.500.000	1.500.000
<b>III</b>	<b>Hệ thống điện, điều hoà, vỏ xe</b>						<b>5.850.000</b>

STT	Tên vật tư/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Bảo dưỡng đề			Lần	1	250.000	250.000
2	Bảo dưỡng máy phát			Lần	1	250.000	250.000
3	Nạp ga điều hoà R134	R134 Denso	Nhật Bản	Lần	1	700.000	700.000
4	Cắt vá 2 khung cánh cửa sau			Bên	2	1.500.000	3.000.000
5	Sơn khung cánh cửa			Bên	2	700.000	1.400.000
6	Tháo phần vỏ phục vụ sửa chữa			Lần	1	250.000	250.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>59.535.000</b>

*Bằng chữ: Năm mươi chín triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng./.*

**Phụ lục 02: BẢNG TỔNG HỢP PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CNPC, ngày tháng 4 năm 2026)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói cung cấp		Giá gói cung cấp (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói cung cấp	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói cung cấp	Tóm tắt công việc chính của gói cung cấp									
1	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV	Sửa chữa xe ô tô BKS: 20L - 9393	Sửa chữa xe ô tô BKS: 20L - 9393	59.535.000	Chi phí SXKD	Ký hợp đồng trực tiếp theo QĐ số 353/QĐ-TCTĐL		15 ngày	Tháng 4/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng

